

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn T1;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: xóm T, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người bị kiện: Anh Trần Văn T1, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: xóm T, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2024, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 có 02 người con chung tên là: Trần Quỳnh A, sinh ngày: 11/5/2008 và Trần Yến N, sinh ngày 19/5/2010.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 thống nhất giao cả 02 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày: 11/5/2008 và Trần Yến N, sinh ngày 19/5/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; Anh Trần Văn T1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T mỗi tháng mỗi con 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), hai con mỗi tháng 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Thi hành kể từ tháng 11/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Văn T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

- **Về lệ phí, chi phí hòa giải:** Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn T1 không phải chịu chi phí, lệ phí Hòa giải.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Kỳ;
- THA DS huyện Tân Kỳ;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã Hương Sơn, H. Tân Kỳ;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng